TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 472/2025/DS-PT
Ngày: 24/7/2025
V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Nước

Các Thẩm phán: Ông Trần Phước Hội

Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Ngọc Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp:* Ông Bùi Văn Bình - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 261/2025/TLPT-DS ngày 11 tháng 6 năm 2025 về việc *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 36/2025/DS - ST ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự bị kháng cáo nay là Tòa án nhân dân Khu vực 12 - Đồng Tháp;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 403/2025/QĐXXPT-DS ngày 07/7/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ngọc L, sinh năm 1982;

Cư trú: Số F, đường L, khóm B, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp (nay là phường H).

Bị đơn:

- Chị Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1988;

- Anh Lê Hùng M, sinh năm 1981;

Cùng cư trú: Khóm D, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp (nay là phường H).

*Người kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Lê Hùng M là bị đơn.

Chị Trần Thị Ngọc L, chị Nguyễn Thị Bích T, anh Lê Hùng M có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/02/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc L trình bày: Chị và vợ chồng của chị Nguyễn Thị Bích T, anh Lê Hùng M là bạn bè thân quen, chị T có hỏi mượn tiền của chị để vợ chồng chị T kinh doanh bất động sản nên chị có cho chị T vay nhiều lần như sau:

- Biên nhận ngày 5/10/2019 âl, cho vay số tiền 100.000.000đồng
- Biên nhận ngày 22/3/2020 âl, cho vay số tiền 50.000.000đồng
- Biên nhận ngày 26/10/2023 âl, cho vay số tiền 50.000.000đồng
- Biên nhận ngày 25/1/2024 âl, cho vay số tiền 50.000.000đồng
- Biên nhận ngày 2/3/2024 âl, cho vay số tiền 150.000.000đồng
- Biên nhận ngày 9/7/2024 âl, cho vay số tiền 100.000.000đồng

Tổng cộng số tiền là 500.000.000đồng.

Lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng. Sau khi vay, chị T và anh M có trả số tiền 20.000.000đồng, còn lại số tiền 480.000.000đồng cho đến nay, chị Nguyễn Thị Bích T và anh Lê Hùng M vẫn chưa trả được số tiền này cho chị.

Theo đơn khởi kiện, chị Trần Thị Ngọc L yêu cầu chị Nguyễn Thị Bích T và Lê Hùng M phải liên đới trả số tiền vay còn thiếu gốc là 500.000.000đồng, tiền lãi là 70.000.000đồng (mức lãi suất 2%/tháng), tổng cộng số tiền là 570.000.000đồng (năm trăm bảy mươi triệu đồng).

Tuy nhiên, chị T và anh M có trả cho chị L số tiền 20.000.000đồng, nhưng nay nhận thấy chị T, anh M hoàn cảnh gặp khó khăn nên nay chị L xin thay đổi yêu cầu như sau: Chị Trần Thị Ngọc L yêu cầu chị Nguyễn Thị Bích T và Lê Hùng M phải liên đới trả số tiền vay còn thiếu gốc là 480.000.000đồng, tiền lãi là 50.000.000đồng, tổng cộng số tiền là 530.000.000đồng (năm trăm ba mươi triệu đồng), ngoài ra, không yêu cầu số tiền nào khác.Việc vay mượn là của cá nhân chị L với chị T, anh M, không liên quan đến cá nhân nào khác nên nay chị L chỉ yêu cầu chị T, anh M có trách nhiệm liên đới trả số tiền này cho chị L, không yêu cầu cá nhân nào khác.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Bích T trình bày: Thừa nhận trước đây khoảng 5-6 năm về trước, chị có vay tiền của chị Trần Thị Ngọc L, theo các biên nhận:

- Biên nhận ngày 5/10/19 âl vay số tiền 100.000.000đồng;
- Biên nhận ngày 22/3/2020 âl vay số tiền 50.000.000đồng;
- Biên nhận ngày 26/10/2023 âl vay số tiền 50.000.000đồng;
- Biên nhận ngày 25/1/2024 âl vay số tiền 50.000.000đồng;

- Biên nhận ngày 2/3/2024 âl vay số tiền 150.000.000đồng;

- Biên nhận ngày 9/7/2024 âl vay số tiền 100.000.000đồng.

Tổng cộng số tiền là 500.000.000đồng (năm trăm triệu đồng). Biên nhận này đều do chị trực tiếp ký tên với chị L. Chị có đóng lãi đầy đủ cho chị L mỗi tháng là 6%/tháng. Khoảng tháng 5 tháng 6 năm 2024, chị có trả được cho chị L số tiền 20.000.000đồng. Sau đó đến khoảng tháng 10/2024 mất khả năng trả nợ do kinh doanh gặp thất bại, nên chị có gặp chị L và xin không đóng tiền lãi nữa, chị L vẫn thống nhất, nên chị đã đi làm ăn. Tuy nhiên, hiện nay chị đang gặp khó khăn về kinh tế, nên chị vẫn chưa trả được số tiền này cho chị L. Việc vay mượn là của vợ chồng chị với chị L, không liên quan đến cá nhân nào khác. Do đó, qua yêu cầu của chị Trần Thị Ngọc L, chị thống nhất liên đới cùng chồng chị là anh Lê Hùng M trả chị Trần Thị Ngọc L số tiền vay còn thiếu gốc là 480.000.000đồng, tiền lãi là 50.000.000đồng, tổng cộng số tiền là 530.000.000đồng (năm trăm ba mươi triệu đồng). Ngoài ra, chị không còn nợ chị L số tiền nào khác.

- Bị đơn: Anh Lê Hùng M được Tòa án triệu tập và tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt và không có văn bản ý kiến, nên không thỏa thuận được.

Tại quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 36/2025/DS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Toà án nhân dân thành phố Hồng Ngự đã xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc L.

Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị Bích T và anh Lê Hùng M liên đới nghĩa vụ trả cho nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc L tổng số tiền là 530.000.000đồng (Năm trăm ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 05/6/2025 chị Nguyễn Thị Bích T và anh Lê Hùng M kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án án sơ thẩm theo hướng không buộc anh M liên đới cùng chị T trả nợ cho chị L. Đồng thời chị T chỉ Đồng ý trả cho chị L 480.000.000đồng không đồng ý 50.000.000đồng tiền lãi.

Tại phiên tòa phúc thẩm

Chị T, anh M giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Chị L không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của chị T, anh M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán

Thẩm phán đã chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và các văn bản quy phạm pháp luật từ khi thụ lý giải quyết vụ án để xét xử phúc thẩm đến trước thời điểm nghị án.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa

Đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử phúc thẩm vụ án dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

- Đối với đương sự: đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về việc giải quyết vụ án dân sự:

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh M; chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị T. Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật dân sự sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án đúng theo quy định Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Lê Hùng M là bị đơn kháng cáo trong hạn luật định. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý xét xử theo trình tự phúc thẩm là đúng với Điều 273, 293 Bộ luật Tố dân sự năm 2015.

[2]. Xét chị Nguyễn Thị Bích T và anh Lê Hùng M yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không buộc anh M liên đới cùng chị T trả nợ cho chị L. Chị T đồng ý trả cho chị L 480.000.000đồng, không đồng ý trả 50.000.000đồng tiền lãi.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị T thừa nhận có vay tiền của chị L nhiều lần, có làm biên nhận tổng cộng vốn vay còn thiếu là 480.000.000đồng. Chị T, anh M cho rằng các khoản vay của chị T anh M không biết, do đó anh M không đồng ý liên đới cùng chị T trả nợ cho chị L. Tuy nhiên, tại biên bản hòa giải ngày 10/4/2025 chị T đồng ý cùng anh M có trách nhiệm trả nợ cho chị L, đồng thời trong khoản thời gian từ năm 2019 đến khi xét xử sơ thẩm chị T và anh M vẫn là vợ chồng hợp pháp nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh M và chị T có trách nhiệm liên đới trả nợ cho chị L là có căn cứ. Do đó, yêu cầu kháng cáo của anh M là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Đối với yêu cầu kháng cáo của chị T chỉ đồng ý trả 480.000.000 đồng vốn,

không đồng ý trả 50.000.000 đồng tiền lãi do chị đã đóng lãi quá nhiều. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị L cũng đồng ý không yêu cầu chị T, anh M liên đới trả 50.000.000 đồng tiền lãi, chỉ yêu cầu chị T, anh M cùng liên đới trả 480.000.000 đồng vốn nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của chị L và chị T. Tuy nhiên, chị T chỉ đồng ý một mình chị trả 480.000.000 đồng vốn vì một mình chị vay tiền của chị L, anh M không hay biết nhưng chị lại thừa nhận khi làm ăn có sinh lời thì sử dụng vào mục đích cho gia đình. Đồng thời, tại mục [2] của bản án đã nhận định nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo phần này của chị T.

Từ những nhận định nêu trên xét thấy yêu cầu kháng cáo của chị T là có căn cứ một phần nên chấp nhận một phần.

[3]. Hội đồng xét xử xét thấy, bản án dân sự sơ thẩm số 36/2025/DS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Toà án nhân dân thành phố Hồng Ngự xét xử là có căn cứ. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, chị L và chị T đã thỏa thuận được tiền lãi nên sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm. Việc sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm là do chị L thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm không thuộc trường hợp chủ quan.

[5]. Do sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm nên án phí dân sự sơ thẩm cũng được xem xét lại theo quy định pháp luật.

[6]. Xét lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật dân sự, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên chấp nhận như đã nhận định nêu trên.

[7]. Do yêu cầu kháng cáo của anh M không được chấp nhận nên anh M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật. Do chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị T nên chị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[8]. Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm số 36/2025/DS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Toà án nhân dân thành phố Hồng Ngự không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Lê Hùng M. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Bích T.

2- Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 36/2025/DS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Toà án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp nay là Tòa án nhân dân Khu vực 12-Đồng Tháp.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc L.

Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị Bích T và anh Lê Hùng M liên đới nghĩa vụ trả cho nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc L tiền vốn là 480.000.000đồng (Bốn trăm tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm

- Buộc chị Nguyễn Thị Bích T và anh Lê Hùng M liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng).

- Nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc L phải chịu 2.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ nhưng tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.250.000đồng theo Biên lai số: 0000719 ngày 06/3/2025. Chị Trần Thị Ngọc L được nhận lại số tiền là 11.750.000 đồng của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự.

3. Án phí dân sự phúc thẩm

Anh Lê Hùng M phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 600.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000856 ngày 06/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự. Chị Nguyễn Thị Bích T không phải nộp tiền án án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Bích T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp cùng biên lai nêu trên của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

5. Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm số 36/2025/DS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Toà án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp

nay là Tòa án nhân dân Khu vực 12-Đồng Tháp không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- Phòng TT KT và THA;
- VKSND Tỉnh;
- TAND Khu vực 12;
- THADS Tỉnh;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Tr).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký tên đóng dấu

Lê Hồng Nước